

Số: 317/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Phương án giá vé, dự toán chi phí, giá trị giá 03 tuyến buýt:
Bắc Ninh - Phả Lại, Bắc Ninh - Kênh Vàng, Bắc Ninh - Yên Phong**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô; số 47/2022/NĐ-CP ngày 19/7/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một Quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ các Thông tư của Bộ giao thông vận tải: Số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; số 02/2021/TT-BGTVT ngày 04/02/2021, số 17/2022/TT-BGTVT ngày 15/7/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 12/2020/TT-BGTVT Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; số 65/2014/TT-BGTVT ngày 10/11/2014 về việc ban hành định mức khung Kinh tế- Kỹ thuật áp dụng cho vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp;



Căn cứ Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Định mức kinh tế- kỹ thuật áp dụng cho vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Xét Công văn số 121/STC-QLCS&DN ngày 09/02/2023 của Sở Tài chính về việc thẩm định dự toán chi phí khai thác đối với 03 tuyến xe buýt đấu thầu giai đoạn 2023- 2028;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 280/TTr-SGTVT ngày 28/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án giá vé, dự toán chi phí và giá trị giá 03 tuyến xe buýt, gồm: Bắc Ninh- Kênh Vàng; Bắc Ninh- Phả Lại và Bắc Ninh-Yên Phong trong 05 năm, giai đoạn 2023-2028 như sau:

1. Dự toán chi phí (bao gồm cả lãi định mức 3%).

1.1. Tuyến Bắc Ninh- Phả Lại: Chi phí một chuyến loại xe B55: 435.010 đồng (Bốn trăm ba mươi lăm nghìn, không trăm mười đồng);

1.2. Tuyến Bắc Ninh- Yên Phong: Chi phí một chuyến loại xe B40: 215.542 đồng (Hai trăm mười lăm nghìn, năm trăm bốn mươi hai đồng);

1.3. Tuyến Bắc Ninh- Kênh Vàng: Chi phí một chuyến loại xe B40: 507.912 đồng (Năm trăm linh bảy nghìn, chín trăm mười hai đồng).

2. Phương án giá vé

TT	Loại vé	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5
I	Tuyến Bắc Ninh – Phả Lại					
1	Vé lượt cung chặng (<15km)	10.000	10.000	12.000	12.000	12.000
2	Vé lượt toàn tuyến	15.000	15.000	18.000	18.000	18.000
3	Vé tháng giảm giá 50% cung chặng	105.000	105.000	125.000	125.000	125.000
4	Vé tháng giảm giá 50% toàn tuyến	155.000	155.000	185.000	185.000	185.000
5	Vé tháng nguyên giá cung chặng	210.000	210.000	250.000	250.000	250.000
6	Vé tháng nguyên giá toàn tuyến	310.000	310.000	370.000	370.000	370.000

TT	Loại vé	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5
II	Tuyến Bắc Ninh – Yên Phong					
1	Vé lượt	8.000	8.000	10.000	10.000	10.000
2	Vé tháng	170.000	170.000	210.000	210.000	210.000
III	Tuyến Bắc Ninh – Kênh Vàng					
1	Vé lượt cung chặng (<25km)	8.000	8.000	10.000	12.000	12.000
2	Vé lượt toàn tuyến	15.000	15.000	15.000	18.000	18.000
3	Vé tháng giảm giá 50% cung chặng	80.000	80.000	100.000	120.000	120.000
4	Vé tháng giảm giá 50% toàn tuyến	150.000	150.000	150.000	180.000	180.000
5	Vé tháng nguyên giá cung chặng	160.000	160.000	200.000	240.000	240.000
6	Vé tháng nguyên giá toàn tuyến	300.000	300.000	300.000	360.000	360.000

3. Doanh thu tuyến:

3.1. Tuyến Bắc Ninh – Phả Lại

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5
1	Doanh thu bình quân 1 chuyến	VNĐ	217.172	232.685	297.179	315.753	334.326

3.2. Tuyến Bắc Ninh – Yên Phong

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5
1	Doanh thu bình quân 1 chuyến	VNĐ	56.770	63.866	88.579	97.437	106.295

3.3. Tuyến Bắc Ninh – Kênh Vàng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5
1	Doanh thu bình quân 1 chuyến	VNĐ	182.046	192.755	207.019	274.573	300.722

4. Giá trị giá:

4.1. Tuyến Bắc Ninh- Phả Lại

TT	Danh mục	Đơn vị	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Tổng
1	Trợ giá bình quân 1 chuyến	VNĐ	217.838	202.325	137.831	119.257	100.684	
2	Kinh phí trợ giá	Triệu VNĐ	5.407	5.036	3.421	2.960	2.499	19.322

4.2. Tuyến Bắc Ninh- Yên Phong

TT	Danh mục	Đơn vị	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Tổng
1	Trợ giá bình quân 1 chuyến	VNĐ	158.772	151.676	126.963	118.105	109.247	
2	Kinh phí Trợ giá	Triệu VNĐ	2.782	2.665	2.224	2.069	1.914	11.654

4.3. Tuyến Bắc Ninh- Kênh Vàng

TT	Danh mục	Đơn vị	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Tổng
1	Trợ giá bình quân 1 chuyến	VNĐ	325.866	315.157	300.893	233.339	207.190	
2	Kinh phí Trợ giá	Triệu VNĐ	4.758	4.614	4.393	3.407	3.025	20.196

Dự toán chi phí, giá trị giá cho 03 tuyến xe buýt trên là cơ sở để tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Giao thông vận tải:

Chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan đơn vị liên quan tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ vận tải công cộng bằng xe buýt đảm bảo theo quy định. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc quyết toán kinh phí trợ giá cho các nhà thầu cung cấp dịch vụ vận tải công cộng bằng xe buýt.

2. Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải tham mưu UBND tỉnh bố trí dự toán ngân sách hàng năm đối với kinh phí trợ giá vận tải công cộng bằng xe buýt.

Phối hợp với Sở Giao thông vận tải xác định chi phí vận hành, trợ giá của các tuyến xe buýt. Phối hợp trong việc quyết toán kinh phí trợ giá cho các nhà thầu cung cấp dịch vụ vận tải bằng xe buýt. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải trình UBND tỉnh điều chỉnh đơn giá chi phí, giá trợ giá khi có biến động về giá theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./x

Nơi nhận: *ga*

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh; CVP, các P. CVP;
- Lưu: VT, CN.XDCB, KT-TH.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Tân Phụng
Ngô Tân Phụng

